**BÀI 1: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ**

**I. Kiến thức cơ bản:**

- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ-biểu đồ.

- Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống và sử dụng được một số ứng dụng GPS và bản đồ số trong đời sống.

**II. Kỹ năng:**

- Giáo viên củng cố kỹ năng sử dụng bản đồ

- Kĩ năng đọc hiểu, phân tích.

**II. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Ôn tập các kiến thức bài sử dụng bản đồ**

**a) Nội dung 1: CÁC PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÍ TRÊN BẢN ĐỒ**

|  |
| --- |
| 1. PHƯƠNG PHÁP KÍ HIỆU  - Thường được sử dụng để biểu hiện vị trí của những đối tượng địa lí phân bố theo điểm. Ví dụ: trung tâm hành chính, sân bay, nhà ga, điểm dân cư, trung tâm công nghiệp,…  - Kí hiệu bản đồ biểu hiện số lượng, quy mô và chất lượng của đối tượng địa lí. Có ba dạng kí hiệu bản đồ chủ yếu: Dạng chữ; Dạng tượng hình; Dạng hình học.  2. PHƯƠNG PHÁP ĐƯỜNG CHUYỂN ĐỘNG  - Sử dụng để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng địa lí tự nhiên và kinh tế-xã hội. Ví dụ: hướng gió, hướng dòng biển, hướng động vật di cư, hướng vận tải hàng hóa, di dân,…  - Màu sắc và kích thước (độ đậm, chiều rộng, chiều dài) các đường chuyển động biểu hiện kiểu loại, khối lượng hay tốc độ di chuyển của đối tượng.  3. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM  - Sử dụng để biểu hiện các đối tượng địa lí có sự phân bố phân tán trong không gian. Ví dụ: phân bố dân cư, phân bố cơ sở chăn nuôi,… Mỗi chấm tương ứng với một giá trị nhất định.  4. PHƯƠNG PHÁP KHOANH VÙNG  - Thường sử dụng để biểu hiện những đối tượng địa lí phân bố tập trung (hoặc phổ biến) trên một không gian lãnh thổ nhất định. Ví dụ: sự phân bố các kiểu thảm thực vật, các nhóm đất, các vùng chuyên canh cây trồng,… Mỗi vùng phân bố được xác định bằng nền mà, nét chải hoặc kí hiệu đặc trưng cho đối tượng biểu hiện.  5. PHƯƠNG PHÁP BẢN ĐỒ-BIỂU ĐỒ  - Biểu hiện sự phân bố của đối tượng địa lí bằng cách đặt các biểu đồ vào không gian phân bố của đối tượng địa lí đó trên bản đồ. Ví dụ: cơ cấu sử dụng đất theo lãnh thổ, cơ cấu dân số các quốc gia, diện tích và sản lượng cây trồng,…  **\*** Ngoài ra, còn có các phương pháp biểu hiện bản đồ khác như: phương pháp nền chất lượng, phương pháp đường đẳng trị,… |

**b) Nội dung 2: Sử dụng bản đồ**

|  |
| --- |
| **SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG**  - Bản đồ (Atlat) là phương tiện không thể thiếu trong học tập Địa lí. Các bước sử dụng bản đồ trong học tập gồm:  + Bước 1: Lựa chọn nội dung bản đồ.  + Bước 2: Đọc chú giải, tỉ lệ bản đồ và xác định phương hướng trên bản đồ.  + Bước 3: Đọc nội dung bản đồ.  - Bản đồ được sử dụng ngày càng phổ biến trong đời sống. Các bước sử dụng bản đồ trong đời sống cũng tương tự như trong học tập. Tuy nhiên, sự phát triển của các thiết bị điện tử thông minh có trang bị bản đồ số, hệ thống định vị toàn cầu GPS (Global Positioning System) đã giúp cho việc sử dụng bản đồ trong đời sống được thuận tiện hơn. Người sử dụng có thể nhanh chóng khai thác được những thông tin cần thiết tùy theo mục đích sử dụng cụ thể.  - Đọc bản đồ các kiểu thảm thực vật chính trên Trái Đất:  + Hoang mạc lạnh.  + Đài nguyên.  + Rừng lá kim.  + Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp ôn đới.  + Rừng cận nhiệt ẩm.  + Thảo nguyên, cây bụi chịu hạn và đồng cỏ núi cao.  + Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.  + Hoang mạc, bán hoang mạc.  + Xa-van, cây bụi.  + Rừng nhiệt đới, xích đạo. |

**2. Hoạt động 2:** Luyện tập *(Câu hỏi/Bài tập – Hướng dẫn giải)*

**a) Câu hỏi/Bài tập: Nhận biết [NB];**

**Câu 1.** Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện các đối tượng

**A**. phân bố theo những điểm cụ thể **B**. di chuyển theo các hướng bất kì.

**C**. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. **D**. tập trung thành vùng rộng lớn.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của phương pháp kí hiệu?

**A**. Xác định được vị trí của đối tượng. **B**. Thể hiện được quy mô của đối tượng.

**C.** Biểu hiện động lực phát triển đối tượng. **D.** Thể hiện được tốc độ di chyển đối tượng.

**Câu 3.** Dạng kí hiệu nào sau đây **không** thuộc phương pháp kí hiệu?

**A**. Hình học. **B.** Chữ. **C.** Mũi tên. **D.** Tượng hình.

**Câu 4.** Đối tượng nào sau đây được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu?

**A**. Hướng gió. **B.** Dòng biển. **C**. Hải cảng. **D**. Luồng di dân.

**Câu 5.** Các trung tâm công nghiệp thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 6.** Các mỏ khoáng sản thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 7.** Các nhà máy điện thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** đường chuyển động. **B**. chấm điểm. **C**. kí hiệu. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 8.** Các đô thị thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C.** chấm điểm. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 9.** Phương pháp đường chuyển động dùng để thể hiện các đối tượng

**A**. phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. **B**. tập trung thành vùng rộng lớn.

**C**. phân bố theo những điểm cụ thể. **D**. di chuyển theo các hướng bất kì.

**Câu 10.** Phương pháp đường chuyển động **không** thể hiện được

**A.** khối lượng của đối tượng. **B**. chất lượng của đối tượng.

**C**. hướng di chuyển đối tượng. **D.** tốc độ di chuyển đối tượng.

**Câu 11.** Hướng, gió thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động. **B.** kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 12.** Dòng biển thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 13.** Luồng di dân thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** kí hiệu. **B**. chấm điểm. **C**. đường chuyển động. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 14.** Sự vận chuyển hàng hoá thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 15.** Sự vận chuyển hành khách thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**b) Câu hỏi/Bài tập: Thông hiểu [TH];**

**Câu 16.** Các tuyến giao thông đường biển thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. kí hiệu theo đường. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 17.** Các tuyến giao thông đường bộ thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** kí hiệu theo đường. **B.** kí hiệu. **C.** chấm điểm. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 18.** Phương pháp chấm điểm dùng để thể hiện các hiện tượng

**A.** phân bố theo những điểm cụ thể. **B**. di chuyển theo các hướng bất kì.

**C.** phân bố phân tán, lẻ tẻ, rời rạc. **D**. tập trung thành vùng rộng lớn.

**Câu 19.** Ý nghĩa của phương pháp chấm điểm là thể hiện được

**A**. số lượng và khối lượng của đối tượng. **B**. số lượng và hướng di chuyển đối tượng.

**C**. khối lượng và tốc độ của các đối tượng. **D**. tốc độ và hướng di chuyển của đối tượng.

**Câu 20.** Sự phân bố các điểm dân cư nông thôn thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A.** đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 21.** Sự phân bố các cơ sở chăn nuôi thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**Câu 22.** Diện tích cây trồng thường được biểu hiện bằng phương pháp

**A**. đường chuyển động. **B**. kí hiệu. **C**. chấm điểm. **D**. bản đồ - biểu đồ.

**Câu 23.** Phương pháp bản đồ - biểu đồ thể hiện giá trị tổng cộng của một hiện tượng địa lí

**A**. trên một đơn vị lãnh thổ hành chính. **B**. trong một khoảng thời gian nhất định.

**C.** được phân bố ở các vùng khác nhau. **D**. được sắp xếp thứ tự theo thời gian.

**Câu 24.** Phương pháp nào sau đây thường được sử dụng để biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh nước ta trong cùng một thời gian?

**A**. Kí hiệu. **B**. Kí hiệu theo đường. **C.** Chấm điểm. **D.** Bản đồ - biểu đồ.

**Câu 25.** Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của các tỉnh Việt Nam trong cùng một thời gian, thường được thể hiện bằng phương pháp

**A.** kí hiệu theo đường. **B**. bản đồ - biểu đồ. **C**. chấm điểm. **D**. đường chuyển động.

**Câu 26.** Để thể hiện vùng trồng thuốc lá của nước ta, có thể sử dụng phương pháp

**A**. khoanh vùng. **B**. kí hiệu. **C**. bản đồ - biểu đồ. **D**. đường đẳng trị.

**Câu 27.** Để thể hiện độ cao địa hình của một ngọn núi, thường dùng phương pháp

**A.** khoanh vùng. **B**. kí hiệu. **C**. bản đồ - biểu đồ. **D.** đường đẳng trị.

**Câu 28.** Để thể hiện các độ cao khác nhau của địa hình Việt Nam, thường dùng phương pháp

**A.** kí hiệu. **B.** chấm điểm **C.** nền chất lượng. **D**. khoanh vùng.

**Câu 29.** Để thể hiện giá trị khác nhau của một khu khí áp từ tâm ra ngoài, thường dùng phương pháp

**A.** kí hiệu theo đường. **B.** đường đẳng trị. **C**. chấm điểm. **D**. khoanh vùng.

**Câu 30.** Để thể hiện vị trí tâm bão ở trên Biển Đông, thường dùng phương pháp

**A**. kí hiệu. **B**. đường chuyển động. **C.** chấm điểm. **D.** bản đồ - biểu đồ.

**c) Câu hỏi/Bài tập: Vận dụng [VDT];**

Câu 31. Ứng dụng nổi bật nhất của GPS là

A. định vị.

B. định tính.

C. định lượng.

D. định luật.

*Đáp án đúng là: A*

*GPS và bản đồ số được sử dụng nhiều trong cuộc sống hiện đại với nhiều ứng dụng hữu ích. Ứng dụng nổi bật nhất của GPS là định vị, nhằm xác định vị trí chính xác của các đối tượng trên bản đồ.*

Câu 32. Ưu điểm lớn nhất của GPS là

A. GPS hoạt động trong mọi địa hình, nhiều ở nước phát triển, mất rất ít phí sử dụng

# B. GPS hoạt động trong mọi địa hình, mọi nơi trên Trái Đất, mất nhiều phí sử dụng.

C. GPS hoạt động trong mọi thời tiết, mạnh nhất trên đất liền, không mất phí sử dụng.

D. GPS hoạt động trong mọi thời tiết, mọi nơi trên Trái Đất, không mất phí sử dụng.

*Đáp án đúng là: D*

*GPS hoạt động trong mọi thời tiết, mọi nơi trên Trái Đất, không mất phí sử dụng, chỉ cần có thiết bị thu tín hiệu và phần mềm hỗ trợ. Ngoài GPS, một số hệ thống khác cũng có chức năng tương tự như: GALILEO, GLONASS, BEIDOU,...*

Câu 33. GPS do quốc gia nào sau đây xây dựng, vận hành và quản lí?

A. Liên bang Nga.

B. Trung Quốc.

C. Hoa Kì.

D. Nhật Bản.

*Đáp án đúng là: C*

*GPS do Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ thiết kế, xây dựng, vận hành và quản lí. Ban đầu GPS phục vụ cho mục đích quân sự, nhưng từ năm 1980, Chính phủ Hoa Kỳ cho phép sử dụng trong dân sự.*

Câu 34. Thiết bị nào sau đây bay quanh Trái Đất và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất?

A. Vệ tinh nhân tạo.

B. Trạm hàng không.

C. Các loại ngôi sao.

D. Vệ tinh tự nhiên.

*Đáp án đúng là: A*

*GPS là một hệ thống các vệ tinh bay xung quanh Trái Đất theo một quỹ đạo chính xác và phát tín hiệu có thông tin xuống Trái Đất. Các máy thu GPS nhận thông tin này để xác định vị trí của đối tượng trên mặt đất, được hiển thị thông qua hệ toạ độ địa lí và độ cao tuyệt đối.*

Câu 35. Nhận định nào sau đây không đúng với bản đồ số?

A. Mất nhiều chi phí lưu trữ.

B. Lưu trữ các dữ liệu bản đồ.

C. Là một tập hợp có tổ chức.

D. Rất thuận lợi trong sử dụng.

*Đáp án đúng là: A*

*- Bản đồ số là một tập hợp có tổ chức, lưu trữ các dữ liệu bản đồ trên thiết bị có khả năng đọc như máy tính, điện thoại thông minh và được thể hiện dưới dạng hình ảnh bản đồ.*

*- Bản đồ số rất thuận lợi trong sử dụng, lưu trữ và chỉnh sửa, vì vậy ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong đời sống.*

Câu 36. Các đô thị thường được biểu hiện bằng phương pháp

A. bản đồ - biểu đồ.

B. đường chuyển động.

C. kí hiệu.

D. chấm điểm.

*Đáp án đúng là: C*

*- Phương pháp kí hiệu dùng để thể hiện vị trí của những đối tượng địa lí phân bố theo điểm cụ thể. Ví dụ: trung tâm hành chính, sân bay, nhà ga, điểm dân cư,…*

*- Các nhà máy điện thường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu (cụ thể là dạng kí hiệu hình học).*

Câu 37. Phương pháp đường chuyển động không thể hiện được

A. tốc độ di chyển đối tượng. B. chất lượng của đối tượng.

# C. khối lượng của đối tượng. D. hướng di chyển đối tượng.

*Đáp án đúng là: B*

*- Phương pháp đường chuyển động được sử dụng để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội. Ví dụ: hướng gió, hướng dòng biển, di dân, động vật di cư,…*

*- Đặc điểm của đối tượng, hiện tượng được thể hiện thông qua màu sắc, kích thước (độ rộng, độ đậm, chiều rộng, chiều dài) và hướng của mũi tên hay tốc độ di chuyển của đối tượng.*

**d) Câu hỏi/Bài tập: Vận dụng cao [VDC].**

**Câu 38.** Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1: 200 000 000. Hãy cho biết 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

**Đáp án:** 2000.

Ở câu này học sinh cần hiểu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ và chú ý đổi đơn vị. Tỉ lệ 1:200 000 000 nghĩa là 1cm trên bản đồ tường ứng với 200 000 000 cm ngoài thực địa. Đổi 200 000 000 cm = 2000 km. Vậy theo tỉ lệ đã cho, 1 cm trên bản đồ tương ứng với 2000 km ngoài thực địa.

1cm trên bản đồ tương ứng với 10 000 000 cm ngoài thực tế. Nhanh nhất đổi 10 000 000 cm = 100 km, cứ gạch đi 5 số 0 ở mẫu!

**Câu 39**. Trên bản đồ có tỉ lệ 1: 500.000.000, từ A → B đo được 25 cm. Vậy khoảng cách (km) A → B trên thực tế là:

**Đáp án:** 125000.

**Câu 40.** Trên bản đồ tỉ lệ 1: 3 000 000, khoảng cách giữa hai thành phố đo được là 3cm điều đó có nghĩa là trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là.

**Đáp án:** 90km.

**Câu 41.** Một bản đồ tỉ lệ 1:2.000.000 thì 1cm trên bản đồ tương ứng bao nhiêu kilômét ngoài thực địa?

**Đáp án:** 20km

**Câu 42.** Tỉ lệ bản đồ 1: 10.000.000 cho biết 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu kilômét ngoài thực địa?

**Đáp án:**100 km.

**Câu 43.** Hãy cho biết 5cm trên bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 tương ứng với bao nhiêu kilômét ngoài thực tế?

**Đáp án:** 300

**Câu 44.** Khoảng cách từ Hà Nội đến Móng Cái là 101, 5km. Trên bản đồ Việt Nam khoảng giữa hai thành phố này là 14, 5cm. Hỏi bản đồ Việt Nam có tỉ lệ bao nhiêu?

**Đáp án:** 1:700. 000.

**Câu 45.** Phần đất liền của nước ta kéo dài từ vĩ độ 8°34′B đến 23°23′B và kinh độ 102°09′Đ đến 09°28′Đ. Vậy phần lãnh thổ trên đất liền nước ta trải dài khoảng bao nhiêu vĩ độ ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Đáp án**: 15.

**Câu 46.** Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1: 2 000 000 và khoảng cách từ Cửa khẩu quốc tế Xa Mát (Tây Ninh) tới Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh đo được trên bản đồ là 7,5 cm. Hãy cho biết khoảng cách thực tế từ Cửa khẩu quốc tế Xa Mát đến Trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km).

**Đáp án:** 150,

**Câu 47.** Tại sao lần đầu tiên khi đến một nơi nào đó, du khách thường quan tâm đến việc sử dụng bản đồ?

HD: Vì bản đồ cho biết cụ thể và trực quan địa điểm du khách sẽ đến về phương hướng, khoảng cách, toạ độ địa lí, vị trí địa lí, các tương quan giữa những đối tượng, thành phần địa lí... giúp cho du khách nhiều thông tin cần thiết về đi lại, cư trú, tham quan...

**Câu 48.** Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về phương pháp thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Đúng** | **Sai** |
| A. Biểu hiện dòng biển bằng phương pháp chấm điểm. |  |  |
| B. Biểu hiện các đới khí hậu bằng phương pháp khoanh vùng. |  |  |
| C. Biểu hiện cơ cấu dân số bằng phương pháp bản đồ - biểu đồ. |  |  |
| D. Biểu hiện sự phân bố dân cư bằng phương pháp đường chuyển động. |  |  |

**HD:**  A - sai, B - đúng, C - đúng, D - sai.

**Câu 49.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Phương pháp kí hiệu |  | A. Biểu hiện sự phân bố đối tượng bằng cách đặt các biểu đồ vào không gian phân bố của đối tượng đó trên bản đồ. |
| 2. Phương pháp đường chuyển động |  | B. Biểu hiện vị trí của những đối tượng phân bố theo điểm. |
| 3. Phương pháp chấm điểm |  | C. Biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng. |
|  |  | D. Biểu hiện các đối tượng có sự phân bố phân tán trong không gian. |
|  | E. Biểu hiện những đối tượng phân bố tập trung trên một không gian lãnh thổ nhất định. |

HD: 1 - B, 2 - C, 3 - D.

**Câu 50.** Hãy cho biết ở bản đồ sau đây, phương pháp nào đã được sử dụng để biểu hiện GNI bình quân đầu người của các nước trên thế giới.



*Hình 1. Bản đồ GNI bình quân đầu người của các nước trên thế giới, năm 2019*

HD: Phương pháp khoanh vùng.

**Câu 51.** Phát biểu sau đây đúng hay sai? Nếu sai thì hãy chỉnh sửa thành phát biểu đúng.

“Phương pháp đường chuyển động được sử dụng để biểu hiện các đối tượng địa lí có sự phân bố phân tán trong không gian”.

HD: Phát biểu sai.

- Phát biểu đúng: “Phương pháp đường chuyển động được sử dụng để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, đối tượng địa lí”.

**ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM BIẾT VÀ HIỂU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2D | 3C | 4C | 5B | 6B | 7C | 8B | 9D | 10B |
| 11A | 12A | 13C | 14A | 15A | 16A | 17A | 18C | 19A | 20C |
| 21C | 22C | 23A | 24D | 25B | 26A | 27D | 28C | 29B | 30A |

**3. Hoạt động 3:** Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà

- Học sinh tiếp tục giải các câu hỏi phần vận dụng

------------------------------------Hết-------------------------------------

Ngày soạn : 5/10/2024

Tiết 3

**BÀI 3: TRÁI ĐẤT. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG**

**I. Kiến thức cơ bản:**

- Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.

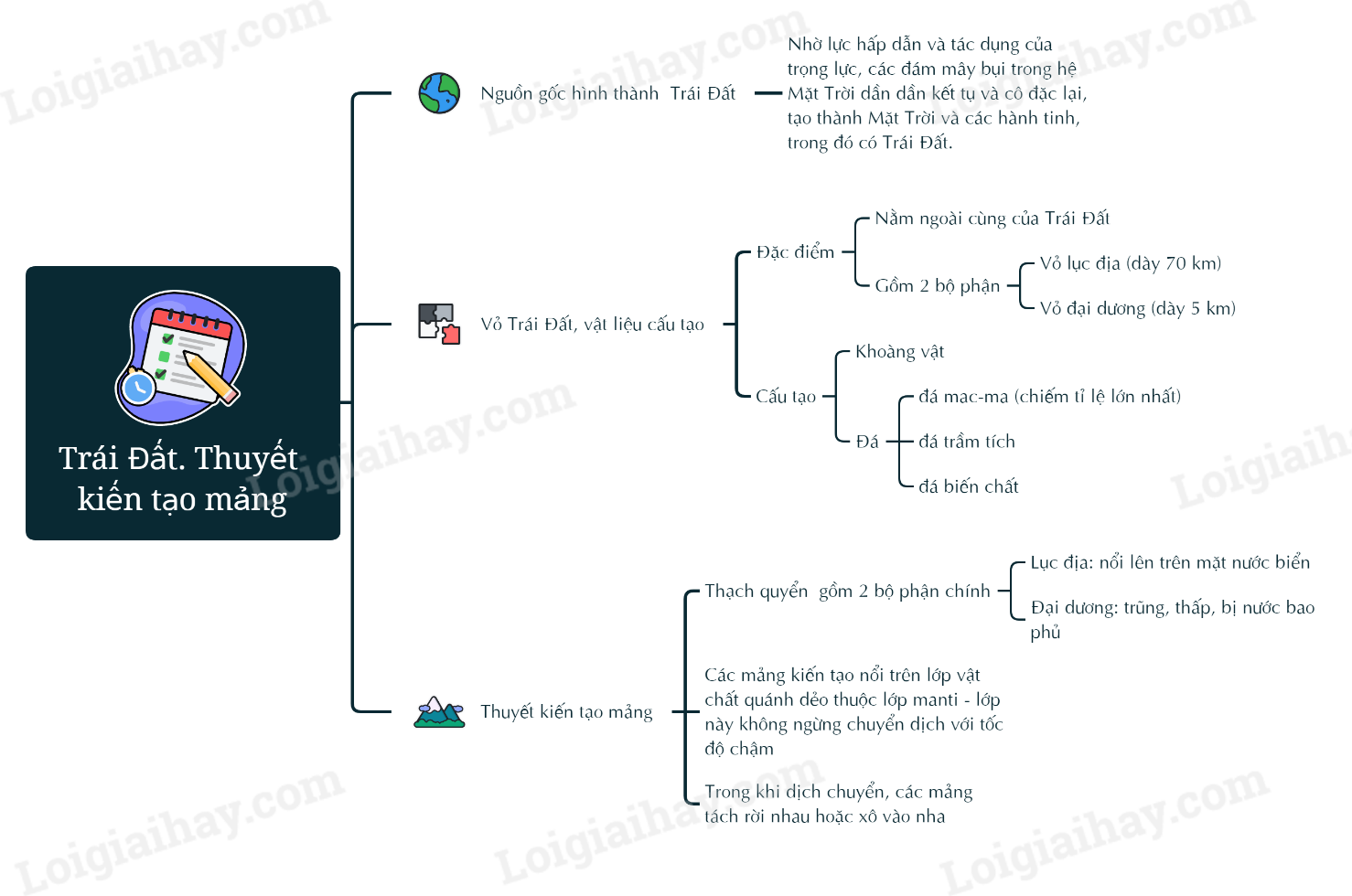
- Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.

**II. Kỹ năng:**

- Giáo viên củng cố kỹ năng phân tích, so sánh và bản đồ, lược đồ.

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động: Ôn tập các kiến thức về nguồn gốc hình thànhTrái Đất, Vỏ Trái Đất. Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng**



|  |
| --- |
| **a)** Nguồn gốc hình thành Trái Đất   * + Ban đầu, hệ Mặt Trời là một đám mây bụi quay tròn gọi là tinh vần Mặt Trời.   + Trong khi quay, lực hấp dẫn và quán tính làm đám mây trở nên phẳng như hình dạng một cái đĩa, vuông góc với trục quay của nó. Đồng thời khối bụi lớn nhất tập trung vào trung tâm, nóng lên và cô đặc lại tạo thành Mặt Trời, phần còn lại xung quanh tạo thành các vành xoắn ốc.   + Các vành xoắn ốc dần dần kết tụ lại dưới tác dụng của trọng lực và trở thành các hành tinh, trong đó có Trái Đất.   **b)** Vỏ Trái Đất. Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất  **\* Vỏ Trái Đất**  - Vị trí: nằm ở ngoài cùng của Trái Đất, gồm vỏ lục địa và vỏ đại dương.  - Đặc điểm: độ dày dao động từ 5 km (ở đại dương) đến 70 km (ở lục địa), rắn chắc.  **\* Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất:**  - Là khoáng vật và đá. Vỏ T.Đất có trên 5000 loại khoáng vật (90 % là nhóm khoáng vật si-li-cat).  - Ba loại đá cấu tạo nên vỏ Trái Đất gồm: đá mac-ma, đá trầm tích và đá biến chất:  *+ Đá Mác-na (Gra-nit, ba-dan,...):* có các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. Được hình thành từ khối mac-ma nóng chảy ở dưới sâu, nguội và rắn đi khi trào lên mặt đất.  *+ Đá trầm tích (Đá sét, đá vôi,...):* Có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song, xen kẽ với nhau. Đá được hình thành ở những miền đất trũng, do sự lắng tụ và nén chặt của các vật liệu phá huỷ từ các loại đá khác nhau.  *+ Đá biến chất (Đá gơ-nai, đá hoa,...):* Có các tinh thể màu sắc khác nhau. Đá được hình thành từ các loại đá mac-ma và trầm tích, bị thay đổi tính chất trong điều kiện chịu tác động của nhiệt độ cao và sức nén lớn.  **c) Thuyết kiến tạo mảng**   * + Theo thuyết kiến tạo mảng, thạch quyển gồm một số mảng kiến tạo. Các mảng này có bộ phận nổi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo và có bộ phận trũng, thấp bị nước bao phủ là đại dương.   + Các mảng kiến tạo nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp man-ti. Hoạt động của các dòng đối lưu vật chất quánh dẻo và có nhiệt độ cao trong lớp man-ti trên làm cho các mảng không đứng yên mà dịch chuyển trên lớp quánh dẻo này.   + Mỗi mảng kiến tạo đều trôi nổi và di chuyển độc lập với tốc độ chậm (chỉ khoảng vài cm/năm). Trong khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời nhau, xô vào nhau.   **Kết quả:** Tạo ra các sống núi ngầm, động đất, núi lửa, các dãy núi trẻ,... |

**2. Hoạt động 2:** Luyện tập *(Câu hỏi/Bài tập – Hướng dẫn giải)*

**a) Câu hỏi/Bài tập: Nhận biết [NB];**

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nhân trong Trái Đất?

**A.** Nhiệt độ rất cao. **B**. Áp suất rất lớn.

**C**. Vật chất lỏng. **D.** Nhiều Ni, Fe.

**Câu 2.** Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và

**A.** phần trên của lớp Man-ti. **B**. phần dưới của lốp Man-ti.

**C.** nhân ngoài của Trái Đất. **D.** nhân trong của Trái Đất.

**Câu 3.** Trên *Hình 2. vỏ Trái Đất. Thạch quyển,* kí hiệu E dùng để chỉ

**A.** tầng đá trầm tích. **B.** tầng đá badan. **C**. tầng đá granit. **D.** phần trên của lớp Man-ti.

**Câu 4.** Trên *Hình 2. vỏ Trái Đất. Thạch quyển,* kí hiệu F dùng để chỉ

**A.** tầng đá trầm tích. **B.** tầng đá badan. **C.** tầng đá granit. **D.** phần trên của lớp Man-ti.

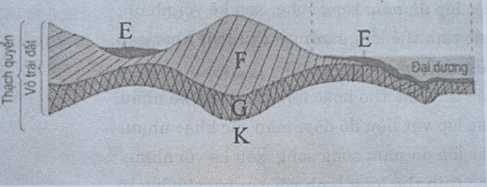
**Câu 5.** Trên *Hình 2. vỏ Trái Đất. Thạch quyển,* kí hiệu G dùng để chỉ

**A**. tầng đá trầm tích. **B.** tầng đá badan. **C.** tầng đá granit. **D.** phần trên của lốp Man-ti.

**Câu 6.** Trên *Hình 2. vỏ Trái Đất. Thạch quyển,* kí hiệu K dùng để chỉ

**A**. tầng đá trầm tích. **B.** tầng đá badan. **C.** tầng đá granit. **D.** phần trên của lớp Man-ti.

(Bộ phận vỏ lục địa bộ phận vỏ đại dương)



***Hình 2. Vỏ Trái Đất. Thạch quyển***

**Câu 7.** Đá macma được hình thành

**A.** từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.

**B**. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C.** từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.

**D.** từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

**Câu 8.** Đá trầm tích được hình thành

**A**. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.

**B**. ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C**. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.

**D.** từ đá biến chất bị thay đổi tính chất do sức nén lớn.

**Câu 9.** Đá biến chất được hình thành

**A**. từ dưới sâu nóng chảy, trào lên mặt đất nguội đi.

**B.** ở nơi trũng do sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu.

**C**. từ trầm tích bị thay đổi tính chất do nhiệt độ cao.

**D.** từ khối mac ma nóng chảy dưới mặt đất trào lên.

**Câu 10.** Đá mac ma có

**A.** các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. **B**. các lớp vật liệu độ dày, màu sắc khác nhau.

**C**. các lớp đá nằm song song, xen kẽ với nhau. **D**. các tinh thể lóng lánh với cấu trúc không rõ.

**Câu 11.** Đá trầm tích có

**A**. các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. **B**. nhiều tinh thể to nhỏ với màu sắc khác nhau.

**C**. các lớp đá nằm song song, xen kẽ với nhau. **D**. các tinh thể lóng lánh với cấu trúc không rõ.

**Câu 12.** Đá biến chất có

**A**. các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. **B.** các lớp vật liệu độ dày, màu sắc khác nhau.

**C.** các lớp đá nằm song song, xen kẽ với nhau. **D.** các tinh thể lóng lánh với cấu trúc không rõ.

**Câu 13.** Mảng kiến tạo **không** phải là

**A**. bộ phận lục địa nổi trên bề mặt Trái Đất. **B.** những bộ phận lớn của đáy đại dương.

**C**. luôn luôn đứng yên không di chuyển. **D**. chìm sâu mà nổi ở phần trên lớp Man-ti.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với các mảng kiến tạo?

**A**. Phần nổi trên mực nước biển là lục địa, phần bị nước bao phủ là đại dương.

**B**. Các mảng nổi lên trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp Man-ti.

**C**. Mỗi mảng đều trôi nổi tự do và di chuyển độc lập, tốc độ rất lớn trong năm.

**D.** Khi dịch chuyển, các mảng có thể tách rời, xô vào nhau, hoặc trượt qua nhau.

**Câu 15.** Đá mac-ma được tạo thành do

A. sự thay đổi tính chất của đá trầm tích khi chịu sức nén rất lớn.

B. quá trình ngưng kết (nguội lạnh) các khối mac-ma nóng chảy.

C*.*sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu vụn nhỏ ở các nơi đất trũng.

D.sự thay đổi tính chất của đá mac-ma khi chịu nhiệt độ rất cao.

**Câu 16.** Đá trầm tích được tạo thành do

A. sự thay đổi tính chất của đá trầm tích khi chịu sức nén rất lớn.

B. quá trình ngưng kết (nguội lạnh) các khối mac-ma nóng chảy.

C. sự lắng tụ và nén chặt các vật liệu vụn nhỏ ở các nơi đất trũng.

D. sự thay đổi tính chất của đá mac-ma khi chịu nhiệt độ rất

**Câu 17.** Mảng Ấn Độ va chạm với mảng Á-Âu tạo thành dãy núi

A. Himalaya. B. Cac-pát. C. U-ran. D. Gát Tây

**Câu 18.** Sống núi giữa Đại Tây Dương là hệ quả của sự tách xa nhau của mảng

A. Nam Mỹ và Âu - Á. B. Bắc Mỹ và Nam Mỹ.

C. Âu - Á và Bắc Mỹ. D. Phi và Nam Mỹ.

**b) Câu hỏi/Bài tập: Thông hiểu [TH];**

**Câu 19.** Phân biệt vỏ lục địa và vỏ đại dương.

**HD:**

- Vỏ Trái Đất là lớp vật chất cứng ngoài cùng của Trái Đất, độ dày dao động từ 5km (ở đại dương) đến 70km (ở lục địa).

- Vỏ Trái Đất được cấu tạo bởi tầng các đá cứng. Trên cùng là tầng trầm tích, do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành; tầng tiếp dưới là granit; tầng dưới cùng là đá badan.

- Vỏ lục địa có độ dày lớn hơn, được cấu tạo chủ yếu bằng granit. Vỏ đại dương có độ dày nhỏ hơn được cấu tạo chủ yếu bởi badan.

**Câu 20.** Khi các mảng tách rời nhau hoặc xô vào nhau thì có hệ quả gì?

**HD:**

- Khi hai mảng tách rời nhau hoặc xô vào nhau sẽ tạo ra các sống núi ngầm, động đất, núi lửa, các dãy núi trẻ,...

**c) Câu hỏi/Bài tập: Vận dụng thấp [VDT];**

**Câu 21.** Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về cấu trúc của các loại đá mac-ma, trầm tích, biến chất?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Đúng** | **Sai** |
| A. Đá mac-ma có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song hoặc xen kẽ nhau. |  |  |
| B. Đá biến chất có các tinh thể có màu sắc khác nhau. |  |  |
| C. Đá trầm tích có các lớp vật liệu dày, mỏng với màu sắc khác nhau, nằm song song hoặc xen kẽ nhau. |  |  |
| D. Đá mac-ma có các tinh thể thô hoặc mịn nằm xen kẽ nhau. |  |  |

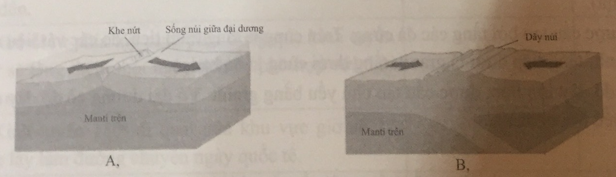
**HD.** A - sai, B - đúng, C - đúng, D - đúng.

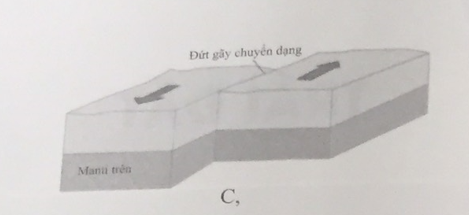
**Câu 22.** Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Đá sét và đá vôi thuộc |  | A. đá mac-ma. |
| 2. Đá hoa và đá gơ-nai thuộc |  | B. đá trầm tích. |
| 3. Đá vôi và đá hoa thuộc |  | C. đá biến chất |
| 4. Đá sét và đá gra-nit thuộc |  |  |
| 5. Đá ba-dan và gra-nit thuộc |  |  |

**HD.** 1 - B, 2 - C, 5 - A.

**Câu 23.** Quan sát hình sau đây và cho biết cách thức tiếp xúc và hệ quả đối với thành tạo địa hình của mỗi trường hợp tiếp xúc (A, B, C).





*Hình 3.1. Một số cách dịch chuyển của mảng kiến tạo*

**HD.**

- A: Hai mảng di chuyển ra xa nhau. Hệ quả: Gây nứt rạn đáy biển, lớp vỏ đại dương mới được hình thành, tạo ra sống núi giữa đại dương, hoạt động núi lửa phổ biến.

- B: Hai mảng va chạm vào nhau. Hệ quả: Chúng xô đẩy nhau tạo thành những dãy núi.

- C: Hai mảng trượt qua nhau. Hệ quả: Đất đá không bị phá huỷ, chúng tạo ra các đứt gãy.

**d) Câu hỏi/Bài tập: Vận dụng cao [VDC];**

**Câu 24.** Phát biểu sau đây đúng hay sai? Nếu sai thì hãy chỉnh sửa thành phát biểu đúng.

“Vỏ Trái Đất nằm ngoài cùng của Trái Đất, rắn chắc, được cấu tạo bằng khoáng vật và đá. Trên cùng là đá mac-ma, tiếp đến là đá trầm tích và đá gra-nit”.

**HD:**

**-** Phát biểu sai.

- Phát biểu đúng: “Vỏ Trái Đất nằm ngoài cùng của Trái Đất, rắn chắc, được cấu tạo bằng khoáng vật và đá. Trên cùng là tầng trầm tích, tiếp đến là tầng gra-nit và dưới là tầng badan”.

**B. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI PHẦN BIẾT, HIỂU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2A | 3A | 4C | 5B | 6D | 7A | 8B | 9C | 10A |
| 11C | 12D | 13C | 14C | 15B | 16C | 17A | 18C |  |  |

**3. Hoạt động 3:** Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà

- Học sinh về làm bài tập phần vận dụng

---------------------------------------Hết----------------------------------

Ngày soạn : 5/10/2024

Tiết 4,5

# BÀI 4: HỆ QUẢ ĐỊA LÍ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CHÍNH CỦA TRÁI ĐẤT

**I. Kiến thức cơ bản:**

- Phân tích (kết hợp sử dụng hình vẽ, lược đồ) được hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất: chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).

- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

**II. Kỹ năng:**

- Giáo viên củng cố kỹ năng phân tích hệ quả các chuyển động Trái Đất, bản đồ, lược đồ.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức**

|  |
| --- |
| 1.1. Hệ quả chuyển động tự quay quanh vũ trụ của Trái Đất  - *Sự luân phiên ngày đêm*  +Nguyên nhân: do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều có sự luân phiên ngày và đêm. Đặc điểm + Chiều tự quay: từ Tây sang Đông.  + Độ nghiêng của trục so với mặt phẳng quỹ đạo 1 góc 66033’.  + Chu kì tự quay hết một vòng là 24 giờ (1 ngày đêm).   * 1. Giờ trên Trái Đất   + Giờ địa phương:   + Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục nên các địa điểm trên cùng một kinh tuyến có một giờ riêng, gọi là giờ địa phương.  + Các địa điểm nằm trên kinh tuyến khác nhau có giờ địa phương khác nhau. - Giờ khu vực: + Để thuận lợi cho sinh hoạt hằng ngày của mỗi quốc gia, người ta phải quy định một giờ thống nhất cho từng khu vực (múi giờ).  + Trên bề mặt Trái Đất có 24 khu vực giờ. Giờ của kinh tuyến đi qua giữa khu vực được lấy làm giờ chung cho cả khu vực đó.  - Giờ quốc tế: Khu vực giờ có kinh tuyến gốc đi qua được lấy làm giờ quốc tế (còn gọi là giờ GMT và đánh số 0).  - Kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế.  + Nếu đi từ Tây sang Đông, qua kinh tuyến 180° sẽ lùi lại một ngày lịch.  + Nếu đi từ Đông sang Tây, qua kinh tuyến 180° sẽ tăng thêm một ngày lịch. 1.3. Hệ quả chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất a) Các mùa trong năm  - Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục của Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương nên có lúc bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có lúc bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời.   * Nguyên nhân: Do thời gian chiếu sáng và lượng nhiệt thu nhận được ở mỗi bán cầu có sự thay đổi trong năm nên đã sinh ra các mùa.  Đặc điểm về mùa: + Mỗi mùa trong năm có sự khác nhau về thời tiết, khí hậu và độ dài ngày đêm.  + Thời gian bắt đầu và kết thúc mỗi mùa cũng có sự khác nhau theo cách tính lịch dương hoặc lịch âm.  + Ở vùng ôn đới, một năm có bốn mùa khá rõ rệt; ở vùng nhiệt đới, mùa xuân và mùa thu thường ngắn, không rõ rệt.  + Mùa ở hai bán cầu luôn trái ngược nhau. Ngày đêm dài, ngắn theo vĩ độ  * + Nguyên nhân: Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ.   + Đặc điểm: Độ dài ngày đêm chênh lệch nhau càng nhiều khi đi từ xích đạo về phía   hai cực*.* |

**2. Hoạt động 2:** Luyện tập *(Câu hỏi/Bài tập – Hướng dẫn giải)*

**a) Câu hỏi/Bài tập: Nhận biết [NB];**

**Câu 1.** Trên Trái Đất có ngày và đêm là nhờ vào

**A**. Trái Đất hình khối cầu tự quay quanh trục và được Mặt Trời chiếu sáng.

**B.** Trái Đất hình khối cầu quay quanh Mặt Trời và được Mặt Trời chiếu sáng.

**C.** Trái Đất được chiếu sáng toàn bộ và có hình khối cầu tự quay quanh trục.

**D.** Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng và luôn tự quay xung quanh Mặt Trời.

**Câu 2.** Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất **không** phải là nguyên nhân chính gây nên hiện tượng

**A.** sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất.

**B.** Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C**. lệch hướng chuyển động của các vật thể.

**D.** khác nhau giữa các mùa trong một năm.

**Câu 3.** Hiện tượng nào sau đây là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất?

**A**. Sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất.

**B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C.** Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.

**D.** Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

**Câu 4.** Đường biểu diễn chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong *năm,* điểm E tương ứng với ngày

**A.** 23/9. **B**. 22/12. **C.** 21/3. **D.** 22/6.

**Câu 5.** Chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất đã gây ra hệ quả nào sau đây?

**A**. Sự luân phiện ngày đêm trên Trái Đất.

**B**. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày.

**C.** Chuyển động các vật thể bị lệch hướng.

**D.** Thời tiết các mùa trong năm khác nhau.

**Câu 6.** Giờ địa phương giống nhau tại các địa điểm cùng ở trên cùng một

**A**. vĩ tuyến. **B.** kinh tuyến.

**C.** lục địa. **D.** đại dương.

**Câu 7.** Để tính giờ địa phương, cần căn cứ vào

**A**. độ cao của Mặt Trời tại địa phương đó. **B.** độ to nhỏ của Mặt Trời tại địa phương đó.

**C.** ánh nắng nhiều hay ít tại địa phương đó. **D.** độ cao và độ to nhỏ của Mặt Trời ở nơi đó.

**Câu 8.** Kinh tuyến được chọn để làm đường chuyển ngày quốc tế là

**A**. 900. **B**. 1200. **C.** 1500. **D.** 1800.

**Câu 9.** Các địa phương có cùng một giờ khi nằm trong cùng một

**A.** múi giờ. **B**. kinh tuyến. **B**. vĩ tuyến. **D.** khu vực.

**Câu 10.** Mỗi múi giờ rộng

**A.** 11 độ kinh tuyến. **B**. 13 độ kinh tuyến.

**C.** 15 độ kinh tuyến. **D.** 18 độ kinh tuyến.

**Câu 11.** Để thuận lợi trong đời sống xã hội, bề mặt Trái Đất được chia ra thành

**A.** 21 múi giờ. **B**. 22 múi giờ. **C.** 23 múi giờ. **D.** 24 múi giờ.

**Câu 12.** Để phù hợp với thời gian nơi đến, khi đi từ phía tây sang phía đông

qua kinh tuyến đổi ngày, cần

**A**. tăng thêm một ngày lịch. **B**. lùi đi một ngày lịch,

**C.** giữ nguyên lịch ngày đi. **D.** giữ nguyên lịch ngày đến.

**Câu 13.** Theo cách tính giờ múi, trên Trái Đất lúc nào cũng có một múi giờ mà ở đó có hai ngày lịch khác nhau, nên phải chọn một đối tượng làm mốc để đổi ngày. Đối tượng đó là

**A.** bán cầu Đông. **B.** kinh tuyến 180 độ.

**C.** kinh tuyến 0 độ. **D.** bán cầu Tây.

**Câu 14.** Trên thực tế, ranh giới múi giờ thường được quy định theo

**A.** biên giới quốc gia. **B**. vị trí của thủ đô.

**C**. kinh tuyến giữa. **D.** điểm cực đông.

**Câu 15.** Liên bang Nga là một nước có nhiều giờ khác nhau, do

**A**. lãnh thổ rộng ngang. **B.** có rất nhiều dân tộc.

**C.** nằm gần cực Bắc. **D.** có văn hoá đa dạng.

**Câu 16.** Trung Quốc lấy múi giờ nào sau đây để tính giờ chính thức cho cả nước?

**A**. 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.

**a) Câu hỏi/Bài tập: Nhận thông hiểu [TH];**

**Câu 17.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, mọi địa điểm thuộc các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất (trừ hai cực) đều có

**A.** vận tốc dài giống nhau. **B.** vận tốc dài khác nhau.

**C**. vận tốc góc rất lớn. **D.** vận tốc góc rất nhỏ.

**Câu 18.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, ở cực Bắc và cực Nam đều có

**A.** vận tốc dài giống nhau. **B.** vận tốc dài khác nhau.

**C.** vận tốc góc rất lớn. **D**.vận tốc góc rất nhỏ.

**Câu 19.** Khi Trái Đất tự quay quanh trục, những điểm nào sau đây có vận tốc dài bằng 0?

**A**. cực Bắc và cực Nam. **B**. cực Bắc và Xích đạo.

**C.** cực Nam và chí tuyến. **D.** cực Nam và Xích đạo.

**Câu 20.** Mặt Trời lên thiện đỉnh là hiện tượng

**A**. Mặt Trời ở đúng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa. **B**. tia sáng mặt trời vuông góc với Trái Đất.

**C.** Mặt Trời lên cao nhất ở đường chân trời. **D**. tia mặt trời đến Trái Đất lúc 12 giờ trưa.

**Câu 21.** Những ngày nào sau đây trong năm có hiện tượng Mặt Trời lên thiện đỉnh ở Xích đạo?

**A**. 21/3 và 23/9. **B.** 23/9 và 22/6.

**C.** 22/6 và 22/12. **D.** 22/12 và 21/3.

**Câu 22.** Mặt Trời lên thiện đỉnh ở chí tuyến Bắc vào ngày

**A**. 21/3 **B.** 22/6. **C**. 23/9. **D.** 22/12.

**Câu 23.** Nơi nào sau đây trong một năm có hai lần Mặt Trời lên thiện đỉnh?

**A**. Chí tuyến Bắc. **B**. Chí tuyến Nam.

**C**. Xích đạo. **D**. Ngoại chí tuyến.

**Câu 24.** Nơi nào sau đây trong năm **khôn**g có hiện tượng Mặt Trời lên thiện đỉnh?

**A.** Nội chí tuyến. **B**. Ngoại chí tuyến.

**C**. Xích đạo. **D.** Chí tuyến.

**Câu 25.** Nơi nào sau đây trong năm có hai lần Mặt Trời lên thiện đỉnh xa nhau nhất?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến.

**C**. Cận chí tuyến. **D**. Cận xích đạo.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hiện tượng mùa trên Trái Đất?

**A.** Mùa là một phần thời gian của năm. **B**. Đặc điểm khí hậu các mùa khác nhau.

**C.** Do Trái Đất tự quay quanh trục gây ra. **D.** Các mùa có lượng bức xạ khác nhau.

**Câu 27.** Phát biểu nào sau đây đúng với hiện tượng mùa trên Trái Đất?

**A.** Mùa là một phần thời gian của năm.**B**. Đặc điểm khí hậu các mùa giống nhau.

**C.** Trái Đất quay quanh Mặt Trời gây ra.**D.** Các mùa có lượng bức xạ khác nhau.

**Câu 28.** Thời kì chuyển động biểu kiến Mặt Trời tại bán cầu Bắc, các nước theo dương lịch ở bán cầu Bắc là mùa

**A.** xuân và hạ. **B**. hạ và thu.

**C.** thu và đông. **D.** đông và xuân.

**Câu 29.** Thời kì chuyển động biểu kiến Mặt Trời tại bán cầu Nam, các nước theo dương lịch ở bán cầu Bắc là mùa

**A**. xuân và hạ. **B**. hạ và thu.

**C.** thu và đông. **D**. đông và xuân.

**Câu 30.** Mùa xuân ở các nước theo dương lịch tại bán cầu Nam được tính từ ngày

**A.** 21/3. **B**. 22/6. **C.** 23/9. **D**. 22/12.

**Câu 31.** Nơi nào sau đây trong năm luôn có thời gian ngày và đêm dài bằng nhau?

**A**. Chí tuyến. **B**. Vòng cực. **C.** Cực. **D.** Xích đạo.

**Câu 32.** Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

**A**. ngày dài hơn đêm. **B**. đêm dài hơn ngày,

**C**. ngày đêm bằng nhau. **D**. toàn ngày hoặc đêm.

**Câu 33.** Nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng ngày dài suốt 24 giờ?

**A**. Xích đạo. **B.** Chí tuyến Bắc.

**C**. Chí tuyến Nam. **D.** Vòng cực.

**Câu 34.** Nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng đêm dài suốt 24 giờ?

**A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến Bắc.

**C**. Chí tuyến Nam. **D.** Vòng cực.

**Câu 35.** Nơi nào sau đây trong năm có hiện tượng ngày dài suốt 6 tháng?

**A**. Xích đạo. **B**. Chí tuyến.

**C**. Cực. **D.** Vòng cực.

**Câu 36.** Hiện tượng khác nhau về thời gian ngày và đêm trong câu ca dao *“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng; Ngày tháng mười chưa cười đã tối”* xảy ra *ở* khu vực nào sau đây?

**A**. Bán cầu Bắc. **B**. Bán cầu Nam.

**C**. Vòng cực Bắc. **D**. Vòng cực Nam.

**Câu 37.** Hà Nội vào mùa hạ có ngày dài hơn ngày ở TP. Hồ Chí Minh, **không** phải do

**A.** ở vĩ độ cao hơn.  **B**. gần chí tuyến hơn.

**C.** xa xích đạo hơn. **D**. ở kinh độ nhỏ hơn.

**Câu 38.** Ngày nào sau đây ở bán cầu Bắc có thời gian ban ngày dài nhất, thời gian ban đêm ngắn nhất trong năm?

**A.** 21/3. **B**. 22/6. **C.** 23/9. **D.** 22/12.

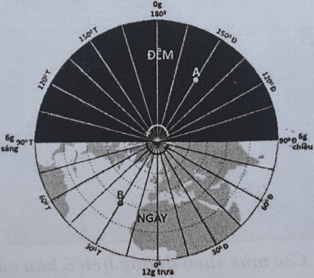
**Câu 39.** Cực Bắc là nơi có

**A.** 186 ngày toàn đêm và 179 ngày toàn ngày.**B.** 186 ngày toàn ngày và 186 ngày toàn đêm.

**C**. 179 ngày toàn ngày và 179 ngày toàn đêm.**D.** 186 ngày toàn ngày và 179 ngày toàn đêm.

**Câu 40.** Theo *Hình. Sơ đồ tính giờ khu vực trên Trái Đất,* lúc ở kinh tuyến 90°Đ đang là 12 giờ ngày 31/5/2022 thì ở kinh tuyến 120°Đ đang là mấy giờ?

**A**. 06 giờ. **B.** 09 giờ. **C.** 14 giờ. **D**. 18 giờ.



**c/ Câu hỏi vận dụng thấp [VDT]**

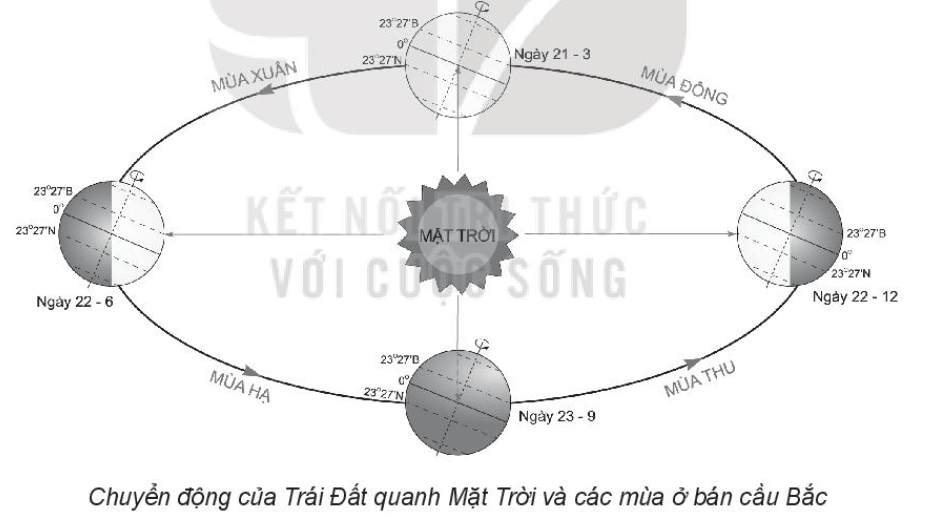
**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI; CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 41.** Ý kiến nào sau đây đúng, ý kiến nào sai khi bàn về giờ trên Trái Đất?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Đúng** | **Sai** |
| a. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyên 180° sẽ lùi lại một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến. |  |  |
| b. Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180° sẽ tăng thêm một ngày lịch để phù hợp với thời gian nơi đến. |  |  |
| c. Kinh tuyến 180° đi qua giữa khu vực giờ số 12 được lấy làm đường chuyển ngày quốc tế. |  |  |
| d. Các địa điểm ở trên cùng một vĩ tuyến có chung một giờ địa phương. |  |  |

**a, c- Đúng b,d- Sai**

**Câu 42:** Dựa vào hình nào sau đây

****

1. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ Đông sang Tây.
2. Khi chuyển động quanh Mặt Trời trục Trái Đất luôn nghiêng.
3. Các mùa ở hai bán cầu giống nhau về thời gian bắt đầu.
4. Khi bán cầu Bắc là mùa đông thì bán cầu Nam là mùa hạ.

a, b, c- Sai d- Đúng

**Câu 43:** Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

a) Mùa là khoảng thời gian trong năm, có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.

b) Nguyên nhân sinh ra các mùa là do dạng khối cầu của Trái Đất.

c) Hiện tượng mùa diễn ra ngược nhau giữa bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

d) Bốn mùa biểu hiện rõ nhất ở vùng nhiệt đới.

a, c- Sai; b,d- Đúng

**Câu 44: Cho đoạn thông tin sau**

Người hâm mộ bóng đá ở Việt Nam muốn theo dõi trực tiếp các trận bóng của giải Ngoại hạng Anh thường phải thức đêm để xem, trong khi thực tế các trận bóng bên Anh thường bắt đầu vào buổi chiều.

1. Việt Nam ở múi số 7 có giờ sớm hơn Anh.
2. Trái Đất hình cầu và tự quanh quanh trục nên giờ ở Việt Nam và Anh khác nhau.
3. Khi Việt Nam là đêm thì ở Anh là ngày.
4. Mọi nơi trên Trái Đất sẽ có giờ giống nhau.

a,b,c- Đúng d- Sai

**Câu 45: Cho đoạn thôg tin sau**

Trái Đất có dạng hình khối cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông, nên ở cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau, vì vậy các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau, đó là  giờ địa phương (hay giờ mặt trời). Giờ địa phương không thuận tiện trong đời sống, sản xuất. Do đó, người ta chia bề mặt Trái Đất làm 24 múi giờ, mỗi múi rộng 15 độ kinh tuyến. Các địa phương nằm trong cùng một múi giờ sẽ thống nhất có một giờ, đó là giờ múi Giờ ở múi số 0 (múi có đường kinh tuyến gốc chạy qua giữa múi ) được lấy làm giờ quốc tế hay giờ GMT. Trong thực tế, ranh giới các múi giờ thường được điều chỉnh theo biên giới quốc gia, tạo thành các khu vực giờ

1. Do Trái Đất hình cầu nên đã sinh ra giờ khác nhau.
2. Giờ quốc tế là giờ ở múi số 0.
3. Trên thực tế ranh giới các múi giờ thường được chia theo đường kinh tuyến.
4. Việt Nam nằm trong múi giờ số 7.

a,b- Đúng c, d- Sai

**Câu 46:** Cho câu tục ngữ sau

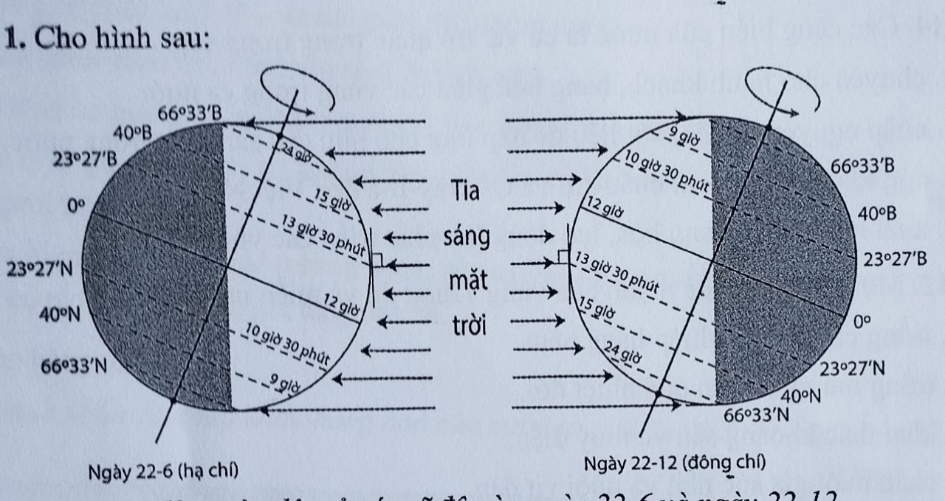
Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối

1. Nước ta nằm ở Bán Cầu Bắc.
2. Ở vùng xích đạo không có hiện tượng ngày dài đêm ngắn theo mùa.
3. Tháng mười ngày ngắn hơn đêm vì Mặt Trời gần bán cầu Nam.
4. Câu tục ngữ là hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.

a, c,d- Đúng b- Sai

**Câu 47: Cho hình sau**



Độ dài ngày đêm ở các vĩ độ vào ngày 22-6 và ngày 22-12

a) Vào ngày 22-6, các địa điểm ở bán cầu Bắc có ngày dài hơn đêm.

b) Vào ngày 22-6, các địa điểm ở vòng cực Nam có đêm dài 24 giờ.

c) Vào ngày 22-12, các địa điểm ở bán cầu Nam có ngày dài hơn đêm.

d) Vào ngày 22-12, các địa điểm ở vòng cực Bắc có ngày dài 24 giờ.

A, B,C- Đúng D- Sai

**Câu 48: Cho đoạn thông tin**

Tháng 6 tới ông Nam định sang Ôx- trây-li-a để thăm con. Mọi người khuyên ông ấy cần mang theo áo ấm vì ở Ôx- trây-li-a lúc này đang là mùa đông.

1. Vào tháng 6 Việt Nam là mùa hè còn Ôx- trây-li-a là mùa thu.
2. Ôx- trây-li-a thuộc bán cầu nam nên vào tháng 6 là mùa đông.
3. Mùa ở hai bán cầu Bắc và Nam luôn trái ngược nhau.
4. Mùa đông ở Ôx- trây-li-a rất lạnh do nằm ở cực Nam.

a, d- Sai b, c – Đúng

**Câu 49 : Cho đoạn văn sau:**

“Những điều đặc biệt về kỳ nghỉ hè tại Australia: Úc có kỳ nghỉ hè vào cuối năm. Nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam mặc định, kỳ nghỉ hè diễn ra trong các tháng giữa năm. Nhưng ở Úc, kỳ nghỉ hè thường bắt đầu vào tháng cuối năm (khoảng giữa tháng 12 đến cuối tháng 1 năm sau tùy vào tiểu bang và vùng lãnh thổ). Thay vì Giáng sinh tuyết trắng, bạn có thể mong đợi một kỳ nghỉ lễ với bầu trời đầy nắng và thời tiết oi bức. Những ngày cuối năm cũng là thời điểm người dân và du học sinh nước ngoài ở Úc tận hưởng các hoạt động ngoài trời sôi động.”

a) Úc ở bán cầu Nam nên có mùa ngược với bán cầu Bắc.

1. Tháng 6 là mùa thu ở Úc, thời tiết mát mẻ.
2. Giáng sinh ở Úc có thời tiết nắng, oi bức vì đang là thời gian mùa hè.
3. Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt trời với hướng trục không thay đổi đã sinh ra mùa.

a, c,d- Đúng b- Sai

**Câu 50: Cho đoạn thông tin**

Tại cùng một thời điểm , trên Trái Đất có sự khác nhau về thời tiết và khí hậu, nơi thì nắng như thiêu đốt, nơi thì vô cùng lạnh giá, nơi thì vô cùng mát mẻ….

1. Sự khác nhau về thời tiết ở mọi nơi trên Trái Đất là biểu hiện của sự khác nhau về mùa khí hậu.
2. Hiện tượng mùa diễn ra trái ngược nhau giữa bán cầu Bắc và bán Cầu Nam.
3. Việt Nam thuộc vùng ôn đới nên khí hậu có 4 mùa rõ rệt.
4. Sinh ra hiện tượng mùa khác nhau là do Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời với hướng trục không thay đổi.

a,b,d- Đúng c- Sai

**Câu 51:** Khi Luân Đôn là 0 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì Xơ-un (Hàn Quốc) là mấy giờ?

**9**

**Câu 52:** Khi Hà Nội là 9 giờ ngày 2 - 9 - 2021 thì Luân Đôn (Anh) là mấy giờ?

**2**

**Câu 53:** Nếu múi giờ SỐ 12 đang là 2 giờ ngày 15 - 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ SỐ 7) đang là mấy giờ

**21**

**Câu 54:** Khi ở Luân Đôn (Anh) là 9 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì cùng lúc đó ở các thành phố Hà Nội (múi số 7), Mát-xcơ-va (múi số 2), Niu Oóc (múi số 19), Ri-ô đề Gia-nê-rô (múi số 21) là mấy giờ?

- Hà Nội: 16

- Mát-xcơ-va: 11

- Niu Oóc: 4

- Ri-ô đề Gia-nê-rô: 6

**Câu 55.** Khi ở thành phố Luân Đôn (múi giờ số 0) đang là 4 giờ thì cùng lúc đó ở thành phố Hà Nội (múi giờ số 7) là mấy giờ?

**Đáp án**: 11

Câu 5**6**. Khi giờ GMT là 23h ngày 15/7/2022 thì ở Hà Nội là

**Đáp án**: 6h ngày 16/7/2022

**Câu 57**. Khi ở múi giờ -8 là 20h ngày 25/7/2022 thì ở múi số 7 là

Đáp án: 21h ngày 26/7/2022

**Câu 58**. Nếu múi giờ số 12 đang là 2 giờ ngày 15 – 2 thì cùng lúc đó Việt Nam (múi giờ số 7) đang là mấy giờ, ngày bao nhiêu ?

**Đáp án**: 9 h ngày 15-2.

**Câu 59**. Khi giờ GMT đang là 24 giờ ngày 31 – 12 năm 2022 thì ở Việt Nam là

**Đáp án**: 7 giờ ngày 1 – 1 năm 2023.

**Câu 60**. Khi Việt Nam là 18h30’ thì ở Matxcơva (múi giờ 3) là mấy giờ?

**Đáp án**: 14h30’.

**d) Câu hỏi/Bài tập: Vận dụng cao [VDC];**

Câu 61. Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Ở vùng ôn đới |  | A. mùa xuân và mùa thu thường ngắn, không rõ rệt. |
| 2. Ở vùng nhiệt đới |  | B. trong năm chỉ có một mùa lạnh kéo dài |
| 3. Ở vùng hàn đới |  | C. một năm có bốn mùa khá rõ rệt. |
|  |  | D. trong năm chỉ có một mùa nóng kéo dài. |
|  |  | E. trong năm chỉ có mùa hạ và mùa đông. |

**HD:** 1 - C, 2 - A, 3 - B.

Câu 62. Điền vào các ô trống để hoàn thành bảng sau. Nhận xét về độ dài ban ngày theo vĩ độ từ Xích đạo về cực.

**SỐ GIỜ BAN NGÀY Ở MỘT SỐ VĨ ĐỘ VÀO NGÀY 22/6 VÀ NGÀY 22/12**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **Ngày 22/6** | **Ngày 22/12** |
| 66°33'B | 24 giờ |  |
| 40°B | 15 giờ |  |
| 23°27'B | 13 giờ 30 |  |
| 00 |  |  |
| 23°27'N |  | 13 giờ 30 |
| 40°N |  | 15 giờ |
| 66°33'N |  | 24 giờ |

**HD:**

**SỐ GIỜ BAN NGÀY Ở MỘT SỐ VĨ ĐỘ VÀO NGÀY 22/6 VÀ NGÀY 22/12**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **Ngày 22/6** | **Ngày 22/12** |
| 66°33'B | 24 giờ | 0 giờ |
| 40°B | 15 giờ | 9 giờ |
| 23°27'B | 13 giờ 30 | 10 giờ 30 |
| 00 | 12 giờ | 12 giờ |
| 23°27'N | 10 giờ 30 | 13 giờ 30 |
| 40°N | 9 giờ | 15 giờ |
| 66°33'N | 0 giờ | 24 giờ |

**Câu 63.** Phát biểu sau đây về hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ đúng hay sai? Nếu sai thì hãy chỉnh sửa thành phát biểu đúng.

“Vào ngày 22/6 và 21/12, tại mọi địa điểm trên Trái Đất đều có ngày đêm dài bằng nhau do Mặt Trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến. Đây cũng là hai ngày có thời gian ban ngày dài nhất trong năm”.

- HD:

+ Ngày 22/6, ở bán cầu Bắc từ Xích đạo về cực thời gian ban ngày tăng lên, ở bán cầu Nam giảm xuống.

+ Ngày 22/12, ở bán cầu Bắc từ Xích đạo về cực thời gian ban ngày giảm xuống, ở bán cầu Nam tăng lên.

**Đáp án câu hỏi Biết, Hiểu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2D | 3D | 4C | 5D | 6B | 7A | 8D | 9A | 10C |
| 11D | 12A | 13B | 14A | 15A | 16D | 17B | 18A | 19A | 20A |
| 21A | 22B | 23C | 24B | 25A | 26C | 27A | 28A | 29C | 30C |
| 31D | 32A | 33D | 34D | 35C | 36A | 37D | 38B | 39D | 40C |

**3. Hoạt động 3:** Hướng dẫn học sinh tự học ở nhà

- Học sinh về làm bài tập phần vận dụng

---------------------------------------Hết----------------------------------